

Tên:

Lớp: S3...

Ngày giao bài: Thứ, ngày /

Ngày nộp bài: Thứ, ngày /

Ngữ pháp:

Độc:

Mini test:



Unit 1 + 2 - Supplementary Grammar + Revision

A. GRAMMAR

❖ Imperative (Câu mệnh lệnh)

- Cách dùng: đề yêu cầu, đề nghị, ra lệnh, hoặc khuyên ai đó làm/không làm gì.

Cấu trúc	Ví dụ
Động từ nguyên mẫu + (bỏ ngữ)	Go home.
Don't + động từ nguyên mẫu	Don't shout!

Lưu ý:

- Câu mệnh lệnh **không có chủ ngữ**.
Do your homework.
- Có thể thêm "please" để lịch sự hơn.
Please sit down.
- Kết thúc bằng:
 - + dấu chấm (yêu cầu nhẹ nhàng, chỉ dẫn bình thường).
Please stay away.
 - + dấu chấm than (mệnh lệnh mạnh, khẩn cấp, cảm xúc cao).
Stay away!

❖ Forms of address (Cách xưng hô trong tiếng Anh)

- Cách dùng: Dùng trong tình huống **lịch sự, trang trọng**.

Từ xưng hô	Nghĩa	Dùng cho	Cấu trúc	Ví dụ
Mr	Ông / Thầy	Đàn ông (bất kể tình trạng hôn nhân)	Từ xưng hô + Họ / Tên đầy đủ	Mr Brown is my teacher.
Mrs	Bà	Phụ nữ đã kết hôn (thường theo họ chồng)		Mrs Smith is our neighbor.
Miss	Cô	Phụ nữ chưa kết hôn		Miss Anna teaches English.
Ms	Cô / Bà	Phụ nữ (dùng khi không biết hoặc không muốn nói tình trạng hôn nhân)		Ms Taylor works in my office.

❖ Present continuous (Hiện tại tiếp diễn)

- Cách dùng: Được sử dụng để diễn tả một sự việc hoặc **hành động xảy ra ngay lúc chúng ta nói hoặc xung quanh thời điểm nói**.

- Dấu hiệu nhận biết:

- + Hành động đang diễn ra: now, right now, at the moment
- + Hành động diễn ra xung quanh thời điểm nói: this week, this month, today

	Công thức	Ví dụ
Khẳng định	S + am/is/are + V-ing	- I'm singing. - He's dancing.
Câu hỏi Wh-	Wh-word + am/is/are + S + V-ing?	- What are they drinking? - Where am I going?

S: chủ ngữ; V-ing: động từ nguyên mẫu thêm ing; Wh-word: từ để hỏi; 'm = am; 's = is; 're = are.

- Question words: where, what, how, who (Từ để hỏi: where, what, how, who)

- Cách dùng:

Từ để hỏi	Nghĩa	Dùng để hỏi về	Ví dụ
Where	Ở đâu	Địa điểm	- Where is she going?
What	Cái gì / Điều gì	Sự vật / hành động	- What are you doing?
How	Như thế nào / Bằng cách nào	Cách thức / phương tiện	- How is he learning English?
Who	Ai	Người	- Who is talking?

B. EXTRA VOCABULARY

No.	Words	Meanings	No.	Words	Meanings
1	pair (n)	một đôi, một cặp	2	marry (v)	kết hôn, lấy vợ/chồng

*Note: n = noun: danh từ; v = verb: động từ.

*Con học thuộc nghĩa của từ, chính phát âm theo từ điển và chép mỗi từ **1 ĐỒNG** vào vở ghi.

C. HOMEWORK

I. Match the halves. (Nối hai nửa câu lại với nhau.)

0. Sit 	a. up.
1. Close	b. the door. 
2. Stand 	c. speak. 
3. Work	d. down.
4. Listen 	e. in pairs. 
5. Don't	f. to me.

Your answer:

0 - <u>d</u>	1 -	2 -	3 -	4 -	5 -
--------------	-----------	-----------	-----------	-----------	-----------

II. Choose and complete the sentences with ONE WORD in the box.

(Chọn và hoàn thành các câu bằng MỘT TỪ trong khung.)

Mr	Mrs	Miss	Ms
----	----------------	------	----

0. That is my neighbor, Mrs Brown. Her husband is a pilot.

1. My English teacher is young and not married. Her name is Anna.

2. This is my teacher, Smith. He is a good man.

3. This is my new boss, Taylor. I don't know if she is married or not.

III. Look at the picture and write the correct form of the given verbs in the PRESENT CONTINUOUS.

(Nhìn vào bức tranh và viết dạng đúng của các động từ đã cho ở thì HIỆN TẠI TIẾP DIỄN.)

What are they doing?

0. Now, kids are playing (play) together.

1. Min (jump) on the ground.

2. Ben (stand) by the dog.

3. Ben (run).

4. The dog (wave) its tail.

5. Lou and Jin (pass) a ball to each other.



IV. Answer the questions with your ideas. (Trả lời các câu hỏi bằng ý của riêng con.)

0. What are you doing?

→ I am doing my homework.

1. Where are you going now?

→

2. What are you eating for lunch?

→

3. How are you feeling today?

→

CAMBRIDGE READING PRACTICE

Part 2 – 5 questions

Jack is talking to his brother Tom. What does Tom say?

Read the conversation and choose the best answer.

Write a letter (A-F) for each answer.

There is one example.

Example

Jack: Shall we go to the cinema tonight, Tom?

Tom: E

Questions

1. Jack: Why can't you come?

Tom:

2. Jack: Oh! I'll ask Michael then.

Tom:

3. Jack: Can I ride your bike to the cinema?

Tom:

4. Jack: I want to see that film called 'The Lost Planet'.

Tom:

5. Jack: Well, I'll tell you about it later.

Tom:



- A No, I need it.
- B Thanks. Have a great time.
- C Because I've got my piano lesson.
- D Good idea. Call him on my phone.
- E No, I'm sorry, I can't. (Example)
- F Oh! I read about that one. It's good!